

UBND TỈNH CAO BẰNG
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC
TUYỂN “TÌM HIỂU LUẬT TIẾP
CẬN THÔNG TIN NĂM 2016” TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

TÀI LIỆU TÌM HIỂU LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN NĂM 2016

Câu 1: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 ban hành vào ngày, tháng nào?

- A. Ngày 04 tháng 6 năm 2016
- B. Ngày 06 tháng 4 năm 2016
- C. Ngày 05 tháng 4 năm 2016
- D. Ngày 05 tháng 6 năm 2015

Câu 2: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?

- A. Ngày 01 tháng 7 năm 2018
- B. Ngày 16 tháng 4 năm 2016
- C. Ngày 15 tháng 7 năm 2018
- D. Ngày 15 tháng 4 năm 2016

Câu 3: “Thông tin” theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 được hiểu như thế nào?

A. Thông tin là dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

B. Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm.

C. Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

D. Thông tin là tin được tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

Câu 4: Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là?

A. Tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

B. Tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

C. Tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

D. Tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu

Câu 5: Tiếp cận thông tin là việc?

A. Đọc, xem, nghe, ghi chép, chụp thông tin.

B. Xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin.

C. Đọc, xem, nghe, sao chép, chụp thông tin.

D. Đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin.

Câu 6: Cung cấp thông tin bao gồm việc?

A. Cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

B. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

C. Cơ quan nhà nước công khai thông tin theo yêu cầu của công dân.

D. Cơ quan nhà nước công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Câu 7: Có bao nhiêu nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin?

A. 7.

B. 5.

C. 6.

D. 4.

Câu 8: Nội dung nào không thuộc nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin?

A. Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

B. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

C. Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

D. Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác

Câu 9: Hành vi nào không bị nghiêm cấm theo Luật Tiếp cận thông tin?

A. Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

B. Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực.

C. Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

D. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin

Câu 10: Theo Luật Tiếp cận thông tin, khi tiếp cận thông tin, công dân không có nghĩa vụ nào?

A. Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

B. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.

C. Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

D. Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp .

Câu 11: Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, thông tin nào sau đây công dân được tiếp cận có điều kiện?

A. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

B. Thông tin thuộc bí mật nhà nước.

C. Thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước.

D. Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Câu 12: Theo Luật Tiếp cận thông tin, nội dung nào không thuộc thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện?

A. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

B. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý.

C. Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

D. Tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Câu 13: Theo Luật Tiếp cận thông tin, thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra do ai chịu trách nhiệm cung cấp?

A. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

C. Sở Thông tin và truyền thông cấp tỉnh.

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Câu 14: Theo Luật Tiếp cận thông tin, thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra do ai chịu trách nhiệm cung cấp?

A. Thường trực Ủy ban nhân dân cấp huyện.

B. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

C. Hội đồng nhân dân cấp huyện.

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Câu 15: Trong các thông tin sau đây, thông tin nào công dân không được tiếp cận?

A. Văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước.

B. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước.

C. Thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước.

D. Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương.

Câu 16: Theo Luật Tiếp cận thông tin, nội dung nào sau đây không chính xác?

A. Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

B. Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật.

C. Trong mọi trường hợp, người yêu cầu cung cấp thông tin không phải trả chi phí.

D. Người yêu cầu cung cấp thông tin có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với cơ quan nhà nước, người có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Câu 17: Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin?

A. Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.

B. Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

C. Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp.

D. Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Câu 18: Công dân được tiếp cận thông tin bằng bao nhiêu cách thức?

A. 1

B. 2.

C. 3

D. 4

Câu 19: Cơ quan nào giám sát tối cao việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

A. Quốc hội

B. Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội

C. Bộ Tư pháp

D. Chính phủ.

Câu 20: Cơ quan nào giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân ở địa phương?

A. Ủy ban nhân dân.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

C. Hội đồng nhân dân tỉnh.

D. Hội đồng nhân dân.

Câu 21: Thông tin nào sau đây phải được công khai rộng rãi?

A. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;.

B. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

C. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 22: Công dân thực hiện quyền được tiếp cận thông tin bằng các cách thức nào?

A. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai; yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

B. Chỉ được tiếp cận thông tin đã được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

C. Chỉ được tiếp cận thông tin đã đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

D. Chỉ được tiếp cận thông tin được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác.

Câu 23: Khi được cung cấp thông tin, công dân có phải trả phí, lệ phí không?

A. Phải trả phí, lệ phí theo quy định về phí, lệ phí.

B. Phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác .

C. Không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy định.

D. Không phải trả phí, lệ phí.

Câu 24: Chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin cho người yêu cầu cung cấp thông tin do ai chi trả?

A. Cơ quan nhà nước thực hiện việc cung cấp thông tin.

B. Người yêu cầu cung cấp thông tin.

C. Cơ quan nhà nước hoặc người yêu cầu cung cấp thông tin tùy trường hợp cụ thể.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 25: Các hình thức công khai thông tin bao gồm?

A. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

B. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

C. Đăng công báo.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 26: Có bao nhiêu hình thức công khai thông tin?

A. 4 .

B. 3.

C. 5.

D. Nhiều hơn 5.

Câu 27: Đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất là bao nhiêu ngày?

A. 15 ngày.

B. 45 ngày.

C. 30 ngày.

D. 20 ngày.

Câu 28: Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm gì?

A. Kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

B. Kịp thời thu hồi, hủy bỏ thông tin.

C. Kịp thời ban hành văn bản đính chính và công khai thông tin đã được đính chính .

D. Không có đáp án nào đúng.

Câu 29: Chi phí tiếp cận thông tin phải được thực hiện và quản lý như thế nào?

A. Phải được nộp vào ngân sách nhà nước.

B. Phải được người yêu cầu trả trước khi cung cấp thông tin .

C. Phải được người yêu cầu trả sau khi cung cấp thông tin và phải được nộp vào ngân sách nhà nước.

D. Phải được người yêu cầu trả trước khi cung cấp thông tin và phải được nộp vào ngân sách nhà nước .

Câu 30. Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin có hiệu lực từ ngày nào?

A. Ngày 01 tháng 7 năm 2018.

B. Ngày 15 tháng 7 năm 2018 .

C. Ngày 30 tháng 8 năm 2018 .

D. Ngày 10 tháng 7 năm 2018.

Câu 31: Người yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp thông tin bằng hình thức nào sau đây?

- A. Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin.
- B. Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử .
- C. Qua dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 32: Cơ quan nào quy định mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin?

- A. Bộ Thông tin và Truyền thông .
- B. Bộ Tư pháp.
- C. Chính phủ.
- D. Thủ tướng Chính phủ.

Câu 33: Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm gì?

- A. Phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- B. Phải thông báo bằng văn bản.
- C. Phải nêu rõ lí do.
- D. Phải thông báo bằng văn bản hoặc nêu rõ lý do.

Câu 34: Cơ quan nhà nước được từ chối cung cấp thông tin trong trường hợp nào?

- A. Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng của cơ quan.
- B. Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan.
- C. Thông tin được yêu cầu làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan.
- D. Thông tin được yêu cầu không rõ ràng.

Câu 35: Trừ trường hợp người yêu cầu có lí do chính đáng, cơ quan nhà nước được từ chối cung cấp thông tin khi đã cung cấp thông tin bao nhiêu lần cho chính người yêu cầu?

- A. 4 lần.
- B. Trên 2 lần.
- C. 2 lần.
- D. 3 lần.

Câu 36: Đối với hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực

tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu đối với các thông tin nào?

- A. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay.
- B. Đối với các thông tin đơn giản có thể cung cấp ngay.
- C. Đối với các thông tin có sẵn có thể cung cấp ngay.
- D. Đối với các thông tin dễ tìm, ít phức tạp và có sẵn có thể cung cấp ngay.

Câu 37: Đối với hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin thì: Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin chậm nhất là bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ?

- A. 7 ngày.
- B. 15 ngày.
- C. 10 ngày.
- D. 20 ngày.

Câu 38: Đối với hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin thì: Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin, nhưng tối đa không quá bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 15 ngày.
- B. 03 ngày.
- C. 05 ngày.
- D. 10 ngày.

Câu 39: Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện khi có đủ các điều kiện nào sau đây?

- A. Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử.
- B. Cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

C. Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

D. Cả A và B.

Câu 40: Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng bao nhiêu cách thức?

A. 03.

B. 02.

C. 04.

D. Nhiều hơn 3.

Câu 41: Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay qua mạng điện tử thì chậm nhất là bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin?

A. 02 ngày.

B. 03 ngày.

C. 04 ngày.

D. 05 ngày.

Câu 42: Nội dung nào sau đây đúng khi thực hiện cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax?

A. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

B. Đối với thông tin có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

C. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

D. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

Câu 43: Cơ quan nào thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

A. Chính phủ.

B. Bộ Tư pháp.

C. Bộ Thông tin và Truyền thông.

D. Văn phòng chính phủ.

Câu 44: Cơ quan nào có trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin?

- A. Chính phủ.
- B. Bộ Tư pháp.
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông.
- D. Văn phòng chính phủ.

Câu 45: Cơ quan nào giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin?

- A. Chính phủ.
- B. Bộ Tư pháp.
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông.
- D. Văn phòng chính phủ.

Câu 46: Cơ quan nào có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ?

- A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- C. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- D. Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 47: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của cơ quan nào sau đây?

- A. Chính phủ.
- B. Bộ Tư pháp.
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông.
- D. Thủ tướng Chính phủ.

Câu 48: Có bao nhiêu mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin?

- A. 05.
- B. 04.
- C. 06.
- D. 07.

Câu 49: Cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (gọi chung là tổ chức) được thực hiện trong trường hợp nào?

A. Trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin không giống nhau.

B. Trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin giống nhau.

C. Trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin liên quan đến hướng dẫn thực hiện pháp luật.

D. Trường hợp 2 người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin giống nhau.

Câu 50: Theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin phải có trách nhiệm nào sau đây?

A. Bố trí người làm đầu mỗi cung cấp thông tin để thực hiện cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

B. Cho phép người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu.

C. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu.

D. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; tổng hợp tình hình, kết quả công tác cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan; báo cáo định kỳ và đột xuất tới người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin.

Câu 51: Nội dung nào sau đây không phải là trách nhiệm của đơn vị đầu mỗi cung cấp thông tin?

A. Bố trí người làm đầu mỗi cung cấp thông tin để thực hiện cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

B. Bố trí địa điểm đọc, nghe, xem, ghi chép, sao chép, chụp thông tin để cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

C. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu.

D. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; tổng hợp tình hình, kết quả công tác cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách

nhiệm của cơ quan; báo cáo định kỳ và đột xuất tới người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin.

Câu 52: Người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị xử lý như thế nào?

- A. Xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- B. Xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- C. Xử lý kỷ luật hoặc hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- D. Xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính và bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu 53: Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin qua người nào sau đây?

- A. Bố, mẹ.
- B. Người đại diện đương nhiên.
- C. Người đại diện theo pháp luật.
- D. Người giám hộ.

Câu 54: Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người nào sau đây?

- A. Bố, mẹ.
- B. Người đại diện đương nhiên.
- C. Người đại diện theo pháp luật.
- D. Người giám hộ.

Câu 55: Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin trong trường hợp nào?

- A. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định.
- B. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do pháp luật quy định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
- C. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
- D. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia.

Câu 56: Theo Luật Tiếp cận thông tin, thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra do cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp?

- A. Văn phòng Quốc hội.
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- C. Hội đồng bầu cử quốc gia.
- D. Văn phòng Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu 57: Thông tin nào sau đây phải được công khai rộng rãi?

- A. Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước.
- B. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động.
- C. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 58: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin?

- A. Tiếp cận thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh.
- B. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai.
- C. Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.
- D. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Câu 59: Việc ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc trách nhiệm của cơ quan nào?

- A. Các cơ quan hành chính nhà nước.
- B. Bộ Thông tin và Truyền thông.
- C. Bộ Tư pháp.
- D. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định.

Câu 60: Đâu là biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

- A. Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.
- B. Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin.
- C. Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan.

D. Cả 3 ý trên.